

# 7212

## DCトランスデューサ(直流電圧・直流電流絶縁信号変換器)

### 形名

7212-   -    -    -     
①      ②      ③      ④

#### ①入力信号

- |                                   |                                       |
|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 01: DC 0~ 10mV                    | 15: DC ± 10V                          |
| 02: DC 0~100mV                    | 10: 上記以外のDC±電圧入力<br>(±10mV以上±200V以下)  |
| 03: DC 0~ 1 V                     | 23: DC 0~ 1mA                         |
| 04: DC 0~ 5 V                     | 29: DC 4~20mA                         |
| 05: DC 0~ 10 V                    | 20: 上記以外のDC電流入力<br>(100μA以上20mA以下)    |
| 09: DC 1~ 5 V                     | 30: 上記以外のDC±電流入力<br>(±100μA以上±20mA以下) |
| 00: 上記以外のDC電圧入力<br>(10mV以上200V以下) |                                       |
| 13: DC ± 1V                       |                                       |
| 14: DC ± 5V                       |                                       |

#### ②出力信号

- |                                  |                                     |
|----------------------------------|-------------------------------------|
| 01: DC 0~ 10mV                   | 14: DC ± 5V                         |
| 02: DC 0~100mV                   | 15: DC ± 10V                        |
| 03: DC 0~ 1 V                    | 10: 上記以外のDC±電圧出力<br>(±10mV以上±10V以下) |
| 04: DC 0~ 5 V                    | 23: DC 0~ 1mA                       |
| 05: DC 0~ 10 V                   | 29: DC 4~20mA                       |
| 09: DC 1~ 5 V                    | 20: 上記以外のDC電流出力<br>(100μA以上20mA以下)  |
| 00: 上記以外のDC電圧出力<br>(10mV以上10V以下) |                                     |
| 13: DC ± 1V                      |                                     |

#### ③電源電圧

- A : AC 100~240V  
 C : DC 100V  
 9 : DC 24V

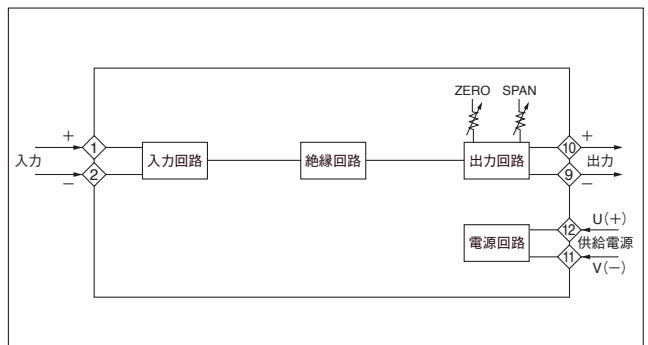
#### ④応答速度(0→90%)

- ブランク : 200ms以下  
 F : 5ms以下

### 一般仕様

許容差	±0.1% of SPAN at 23°C
温度特性	±150ppm/°C
出力調整範囲	ZERO : ±3%以上 of SPAN SPAN : ±5%以上 of SPAN
絶縁抵抗	入力-出力-電源各間 DC 500Vにて100MΩ以上
耐電圧	入力-出力-電源各間 AC2000V 1分間 端子一括-外箱間 AC2000V 1分間
電源電圧許容範囲	AC85~250V (50/60Hz) DC90~170V DC20~ 30V
消費電力	AC100~240V 5VA以下 DC110V 30mA以下 DC 24V 90mA以下
動作周囲温度	-5~55°C
保存温度	-20~70°C
質量	本体 : 約120g 端子台 : 約 40g

### ブロック図



### 入力仕様

入力信号	入力インピーダンス
DC 0~ 10mV	1MΩ以上
DC 0~100mV	
DC 0~ 1 V	
DC 0~ 5 V	
DC 0~ 10 V	
DC 1~ 5 V	
DC ± 1 V	
DC ± 5 V	
DC ± 10 V	
DC 0~ 1mA	約100Ω
DC 4~ 20mA	約5Ω

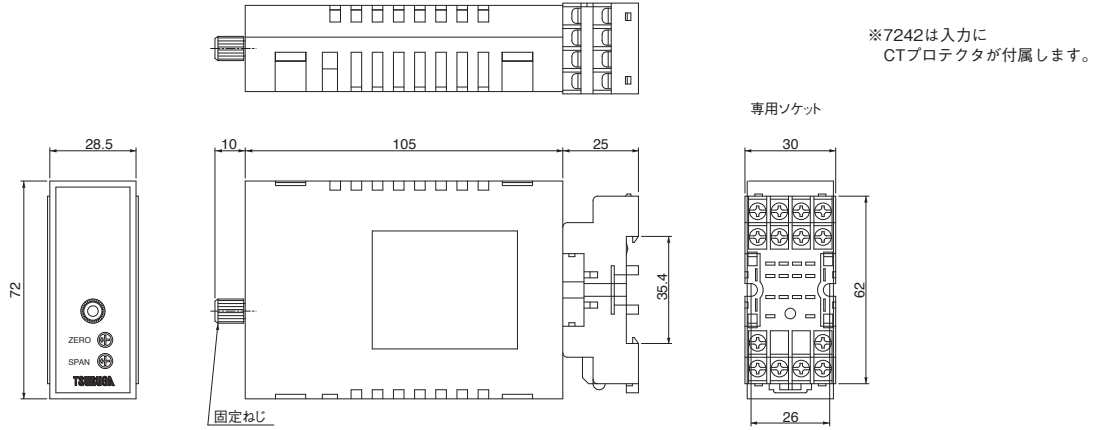
### 出力仕様

出力信号	出力インピーダンス	許容負荷抵抗
DC 0~ 10mV	約10Ω	10kΩ以上
DC 0~100mV	約100Ω	100kΩ以上
DC 0~ 1 V	0.1Ω以下	100Ω以上
DC 0~ 5 V		500Ω以上
DC 0~ 10 V		1kΩ以上
DC 1~ 5 V		500Ω以上
DC ± 1 V		2.5kΩ以上
DC ± 5 V		5kΩ以上
DC 0~ 1mA	5MΩ以上	0~15kΩ
DC 4~ 20mA		0~750Ω

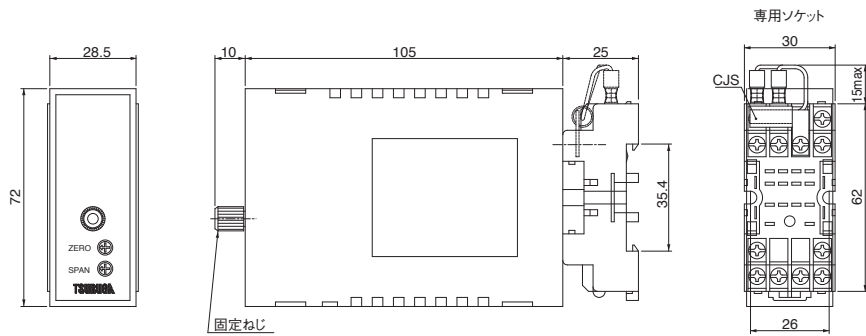
# 7200シリーズ外形図

## ■外形図

7212, 7216, 7242, 7252, 7262, 7275



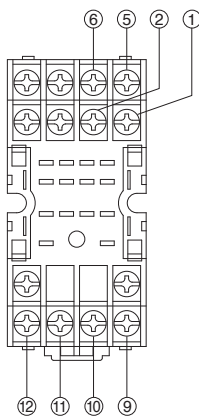
7222



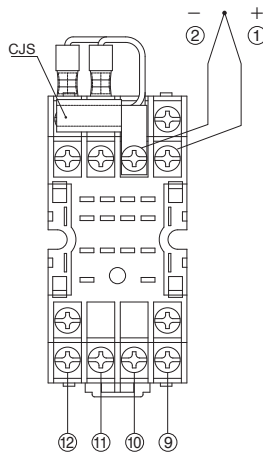
単位：mm

## ■端子番号

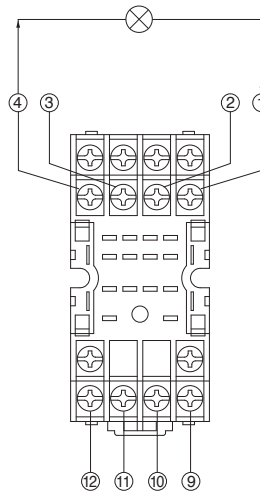
7212, 7216, 7242, 7275



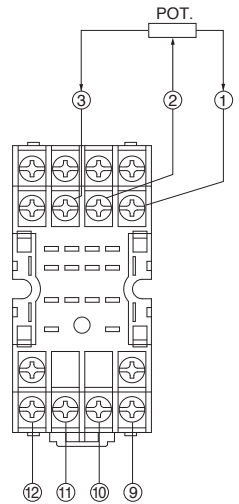
7222



7252



7262



※7242は入力にCTプロテクタが付属します。